

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Lai Châu (sau đây viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai, cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Lai Châu.

2. Yêu cầu

Các hoạt động triển khai Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo hiệu quả, phù hợp với nhu cầu cụ thể của tỉnh Lai Châu.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Bảo đảm nguồn cung thép xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh ổn định.
- 100% dự án thuộc lĩnh vực thép thực hiện đầy đủ quy định về đầu tư, đất đai và môi trường.
- Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên quặng sắt theo quy định.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Từng bước hình thành lĩnh vực cơ khí - kết cấu thép có năng lực đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và khu vực; khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, gắn với chế biến và phục hồi môi trường sau khai thác.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

Phát triển ngành thép trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo hướng phù hợp với tiềm năng khoáng sản, điều kiện hạ tầng và quy mô kinh tế của địa phương; bảo đảm hiệu quả, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Việc phát triển phải thống nhất với Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành có liên quan; không thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

2. Định hướng cụ thể

2.1. Về sản phẩm ưu tiên

Tập trung vào khai thác, tuyển và chế biến quặng sắt đạt hàm lượng cao để cung cấp cho các cơ sở luyện kim ngoài tỉnh. Trường hợp đủ điều kiện về hạ tầng, nguồn điện và nguồn nguyên liệu, trong giai đoạn sau năm 2030 có thể xem xét các dự án chế biến sâu quy mô vừa, công nghệ hiện đại, phục vụ nhu cầu thép xây dựng và cơ khí trong khu vực.

2.2. Về nguồn nguyên liệu

Định hướng khai thác mỏ sắt Mít Nội, xã Pắc Ta theo nguyên tắc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, gắn với tuyển và chế biến nhằm nâng cao hàm lượng quặng trước khi tiêu thụ; không tổ chức khai thác ồ ạt hoặc vượt quá công suất hợp lý, bảo đảm cân đối giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, rừng và đời sống người dân khu vực dự án. Việc xem xét thu hút nhà đầu tư phải bảo đảm có đủ năng lực tài chính, công nghệ tiên tiến và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về phục hồi môi trường sau khai thác.

2.3. Về nguồn năng lượng phục vụ sản xuất

Việc xem xét các dự án chế biến phải căn cứ vào khả năng cung ứng điện thực tế và phương án đầu tư cụ thể. Ưu tiên các dự án có mức tiêu hao năng lượng thấp, không sử dụng công nghệ lò cao truyền thống tiêu tốn nhiều than cốc và phát thải lớn; khuyến khích giải pháp sử dụng điện hiệu quả, tái sử dụng nhiệt và tuần hoàn nước trong sản xuất.

2.4. Về phát triển doanh nghiệp ngành thép

Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có năng lực trong khai thác, chế biến quặng sắt; ưu tiên doanh nghiệp cam kết đầu tư đồng bộ hạ tầng bảo vệ môi trường và phục hồi môi trường sau khai thác.

2.5. Về thị trường tiêu thụ thép

Định hướng cung cấp quặng sắt sau tuyển đạt tiêu chuẩn cho các cơ sở luyện kim trong nước, đặc biệt là khu vực phía Bắc; hoạt động khai thác phải

gắn với phương án tiêu thụ ổn định, có hợp đồng cụ thể, bảo đảm hiệu quả và tránh rủi ro thị trường.

Đối với nhu cầu thép xây dựng trên địa bàn tỉnh, tiếp tục sử dụng nguồn cung từ các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước; tăng cường kết nối cung – cầu, theo dõi diễn biến thị trường thép để kịp thời tham mưu điều chỉnh phù hợp.

2.6. Về công nghệ

Ưu tiên công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại giảm thiểu tiêu tốn năng lượng trong quá trình sản xuất. Từng bước thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý sản xuất và khai thác khoáng sản.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về cơ chế, chính sách

Rà soát, cụ thể hóa các nội dung của Chiến lược phát triển ngành thép Việt Nam phù hợp với điều kiện của tỉnh; tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, chế biến quặng sắt; bảo đảm khai thác đúng quy hoạch, đúng công suất, gắn với nghĩa vụ tài chính và trách nhiệm bảo vệ môi trường.

2. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Hoạt động khai thác và tuyển quặng sắt phải gắn chặt với phương án tiêu thụ ổn định, có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết tiêu thụ với các cơ sở luyện kim trong nước, đặc biệt là khu vực phía Bắc. Không xem xét cấp phép khai thác khi chưa chứng minh được đầu ra sản phẩm khả thi và bền vững.

Chủ động theo dõi diễn biến thị trường quặng sắt trong nước và khu vực để kịp thời tham mưu điều chỉnh tiến độ, sản lượng khai thác phù hợp, tránh tình trạng khai thác ồ ạt theo biến động giá ngắn hạn. Đồng thời tăng cường kết nối cung - cầu, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn ký kết hợp đồng dài hạn, bảo đảm ổn định sản xuất và nguồn thu ngân sách.

Bảo đảm nguồn cung thép xây dựng ổn định, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý chất lượng đối với thép xây dựng, cấu kiện thép sử dụng trong công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Về khoa học công nghệ

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại giảm thiểu tiêu tốn năng lượng trong quá trình sản xuất.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng, phát thải carbon thấp; ứng dụng IoT, AI, tự động hóa vào trong quá trình sản xuất thép. Kiên quyết không tiếp nhận các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

4. Về nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động kỹ thuật phục vụ khai thác và tuyển quặng sắt, ưu tiên sử dụng lao động địa phương nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân khu vực dự án. Phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề để nâng cao tay nghề, bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành thiết bị và công nghệ mới.

Nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản; tăng cường kỹ năng thẩm định dự án, giám sát sản lượng, kiểm soát môi trường và xử lý vi phạm, bảo đảm hoạt động khai thác diễn ra đúng quy định pháp luật.

5. Về bảo vệ môi trường

Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến quặng sắt; xử lý nghiêm các vi phạm.

Yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, phục hồi môi trường sau khai thác, chế biến; bảo đảm phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

Là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo theo quy định; đồng thời chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc tham mưu phát triển công nghiệp luyện kim phù hợp với định hướng của Chiến lược và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

2. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo phân cấp để thực hiện các nhiệm vụ, dự án hạ tầng có liên quan; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng quy định. Đồng thời, phối hợp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án đầu tư công thuộc lĩnh vực hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp thép và khai thác khoáng sản.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hướng dẫn Nhà đầu tư thủ tục đánh giá tác động môi trường, cấp phép hoạt động khoáng sản, thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (nếu có); tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong xây dựng công trình công nghiệp, công trình có sử dụng kết cấu thép; phối hợp rà soát, đánh giá sự phù hợp của địa điểm đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực thép, luyện kim, gia công kết cấu thép với quy hoạch xây dựng, định hướng phát triển đô thị, nông thôn và hạ tầng kỹ thuật khu vực. Phối hợp quản lý chất lượng thép xây dựng, cấu kiện thép sử dụng trong công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng; theo dõi diễn biến giá thép xây dựng trên địa bàn để phục vụ công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, công bố giá vật liệu xây dựng và chỉ số giá xây dựng theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; phối hợp có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước tại địa bàn; tăng cường tuyên truyền, giám sát hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Công Thương*) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (B/c);
- TT. Tỉnh ủy (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Kt10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng A Tính